

QUYỀN ĐƯỢC THÔNG TIN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ VÀ TRÁCH NHIỆM ĐẢM BẢO NHÂN QUYỀN CỦA DOANH NGHIỆP - BỘ NGUYÊN TẮC CHỦ ĐẠO CỦA LIÊN HỢP QUỐC VỀ KINH DOANH VÀ NHÂN QUYỀN VÀ KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

ĐỒNG THỊ HUYỀN NGÀ*

Ngày nhận bài: 19/02/2019

Ngày phản biện: 28/02/2019

Ngày đăng bài: 25/03/2019

Tóm tắt:

Hoạt động kinh doanh, một mặt, có khả năng mang lại những nguồn lợi kinh tế cho nhà đầu tư, nhưng mặt khác cũng có thể hàm chứa những ảnh hưởng tiêu cực đến nhân quyền của họ. Bài viết tập trung phân tích quyền được thông tin về các vấn đề liên quan đến nhân quyền trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp được quy định tại nguyên tắc số 21 của Bộ nguyên tắc chủ đạo của Liên Hợp Quốc về kinh doanh và nhân quyền (UNGPs) và đề xuất một số gợi mở cho việc áp dụng nguyên tắc này trong bối cảnh Việt Nam hiện nay.

Abstract:

Business activities, on the one hand, are likely to bring economic benefits to investors but on the other hand may also contain negative effects on their human rights. The paper focuses on analyzing the right to be informed on issues related to human rights in the business operations of enterprises as defined in Principle 21 of UNGPs and recommends some suggestions for applying the principle in the current Vietnamese context.

Từ khóa:

Nhân quyền, UNGPs, quyền được thông tin, nhà đầu tư, hoạt động kinh doanh.

Keywords:

Human rights, UNGPs, right to be informed, investors, business activities.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh công nghệ thông tin đang dẫn dắt thế giới bước vào kỷ nguyên công nghiệp 4.0, có thể nói rằng thông tin là một dạng quyền lực mềm mà phần đông chủ thể đều muốn nắm bắt. Riêng đối với hoạt động kinh doanh, thông tin chính là kim chỉ nam cho các nhà đầu tư trên thương trường. Tuy nhiên, thông thường các nhà đầu tư chỉ quan tâm đến những loại thông tin có ý nghĩa dẫn dắt và gợi mở cho họ đi đến các quyết định về đầu tư. Các

* ThS., Giảng viên Khoa Luật Kinh tế, Trường Đại học Luật, Đại học Huế; Email: ngadth@hul.edu.vn

nhà đầu tư cũng chỉ thường đòi hỏi được tiếp cận những thông tin có khả năng ảnh hưởng đến số phận phần vốn góp của họ mà chưa thực sự hiểu được tầm quan trọng của quyền được thông tin về những hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp có ảnh hưởng nghiêm trọng đến nhân quyền của chính mình. Vậy nhà đầu tư có quyền được thông tin về các vấn đề về nhân quyền trong hoạt động kinh doanh hay không và trong trường hợp nhân quyền của nhà đầu tư bị vi phạm bởi các hoạt động kinh doanh, đâu là các biện pháp bảo đảm nhân quyền cho họ trong quan hệ đầu tư kinh doanh với các doanh nghiệp? Đây chính là nội dung cốt lõi của Bộ nguyên tắc chủ đạo của Liên Hợp Quốc (LHQ) về kinh doanh và nhân quyền và cũng là trọng tâm nghiên cứu của tác giả. Trên cơ sở đó, bài viết cũng hướng đến việc tìm ra một số đề xuất và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam đối với vấn đề này.

2. Khái luận về quyền được thông tin trong kinh doanh đối với vấn đề nhân quyền của nhà đầu tư

Trước hết, cần phải khẳng định rằng bài viết không đề cập đến quyền tiếp cận thông tin trong hoạt động kinh doanh của nhà đầu tư, bởi đây không phải là nội dung mà UNGPs quan tâm và điều chỉnh. Đồng thời, quyền này của nhà đầu tư đã được ghi nhận tương đối minh thị bởi pháp luật về kinh doanh thương mại¹ trong cả hệ thống pháp luật quốc gia và quốc tế. Do đó, quyền này không thuộc nhóm các vấn đề về nhân quyền. Bên cạnh đó, tác giả cũng không bàn luận đến quyền tiếp cận thông tin với tư cách là một trong các quyền cơ bản của con người mà chỉ bàn đến quyền được thông tin trong kinh doanh có liên quan đến nhân quyền của các nhà đầu tư được ghi nhận trong UNGPs. Hay nói cách khác, chúng ta cần phân định rõ sự khác biệt giữa quyền tiếp cận thông tin và quyền được thông tin về vấn đề nhân quyền trong hoạt động đầu tư kinh doanh.

Quyền tiếp cận thông tin hay quyền được tự do thông tin là một quyền cấu thành của quyền tự do ngôn luận được công nhận bởi Nghị quyết 59 của Đại hội đồng LHQ được thông qua năm 1946, cũng như Điều 19 của Tuyên ngôn Nhân quyền (1948), trong đó nêu rõ rằng quyền tự do ngôn luận cơ bản bao gồm “quyền tự do tìm kiếm, nhận và truyền đạt thông tin và ý tưởng thông qua bất kỳ phương tiện truyền thông nào và bất kể biên giới”. Hiện nay, quyền tiếp cận thông tin được nhìn nhận dưới góc độ các thông tin được nắm giữ bởi các cơ quan công quyền. Các văn kiện quốc tế quan trọng nhất và có hiệu lực cao nhất, tính đến thời điểm này về vấn đề nhân quyền đều phản ánh tiền đề cơ bản rằng tất cả thông tin do chính phủ và các tổ chức chính phủ nắm giữ đều là công khai và chỉ có thể được giữ lại nếu có lý do chính đáng, chẳng hạn như do quyền riêng tư và yêu cầu bảo mật nên không tiết lộ thông tin².

Hoàn toàn khác biệt với quyền được tiếp cận thông tin với tư cách là một quyền con người, quyền được thông tin trong kinh doanh của các nhà đầu tư được quy định tại nguyên

¹ Ví dụ như pháp luật thương mại, pháp luật đầu tư...

² <http://www.unesco.org/new/en/communication-and-information/freedom-of-expression/freedom-of-information>

tắc số 21 của UNGPs lại là một công cụ để bảo vệ quyền con người. Những loại thông tin được tiếp cận, do vậy, cũng hoàn toàn khác biệt về tính chất. Những thông tin trong hoạt động kinh doanh mà nhà đầu tư được quyền tiếp cận, theo nguyên tắc số 21 của UNGPs, không phải là những thông tin do các cơ quan công quyền nắm giữ mà là do các doanh nghiệp và đội ngũ quản lý của chúng chiếm giữ. Đồng thời, các thông tin này không bao gồm tất cả các loại thông tin của hoạt động kinh doanh mà chỉ bao hàm những thông tin liên quan và có khả năng ảnh hưởng đến nhân quyền của các nhà đầu tư.

Tóm lại, quyền được thông tin về nhân quyền trong hoạt động kinh doanh của các nhà đầu tư theo nguyên tắc số 21 của UNGPs là quyền của các nhà đầu tư được tiếp nhận những thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh ảnh hưởng hoặc có khả năng ảnh hưởng nghiêm trọng đến nhân quyền của họ.

3. Sơ lược về Bộ nguyên tắc chủ đạo của Liên Hợp Quốc về kinh doanh và nhân quyền

Ngày 16/6/2011, Hội đồng Nhân quyền LHQ đã nhất trí thông qua Bộ nguyên tắc chủ đạo của LHQ về kinh doanh và nhân quyền (UNGPs) và là bộ sáng kiến đầu tiên về trách nhiệm của doanh nghiệp đối với vấn đề nhân quyền của LHQ. UNGPs là một công cụ pháp lý quốc tế bao gồm 31 nguyên tắc được thiết lập nhằm thực thi khuôn khổ pháp lý của LHQ về “Bảo vệ, Tôn trọng và Giải quyết” các vấn đề nhân quyền liên quan đến quyền tiếp cận thông tin liên quan đến các tập đoàn xuyên quốc gia và các chủ thể kinh doanh khác. Được phát triển bởi Đại diện đặc biệt của Tổng Thư ký LHQ, GS John Ruggie³, UNGPs đã lần đầu tiên đưa ra hệ thống tiêu chuẩn toàn cầu trong việc ngăn ngừa và giải quyết những ảnh hưởng tiêu cực của hoạt động kinh doanh đến quyền con người. Từng bước được chấp nhận rộng rãi trên phạm vi toàn thế giới, UNDPs hiện đang tiếp tục sứ mệnh của mình trong việc nâng cao tiêu chuẩn và thực tiễn áp dụng chúng trong kinh doanh và nhân quyền.

UNGPs được cấu thành từ ba trụ cột chính, bao gồm: (1) Nghĩa vụ của nhà nước đối với việc chống lại các hành vi vi phạm nhân quyền của bên thứ ba, bao gồm cả các doanh nghiệp, thông qua các chính sách, quy định và hoạt động tư pháp phù hợp; (2) Trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc tôn trọng nhân quyền, về bản chất có nghĩa là trách nhiệm hành động cẩn trọng tránh vi phạm nhân quyền; và (3) Sự cần thiết phải có sự tiếp cận rộng rãi hơn của chủ thể bị vi phạm nhân quyền trong quan hệ đầu tư kinh doanh đối với biện pháp khắc phục hiệu quả, cả về phương diện tư pháp và phi tư pháp. UNGPs không phải là công cụ pháp lý mang tính bắt buộc đối với các quốc gia thành viên của LHQ và cũng không phải là một đạo luật quốc tế mới về Kinh doanh và Nhân quyền. Như GS Ruggie đã nêu trong báo cáo của mình đến Hội đồng Nhân quyền LHQ (UNHRC), “những đóng góp mang tính quy chuẩn của UNGPs không nằm trong việc tạo ra các nghĩa vụ luật pháp quốc tế mới mà là hình thành nên

³ Trong năm 2005, theo yêu cầu của Ủy ban Nhân quyền của LHQ (nay là Hội đồng Nhân quyền), Tổng Thư ký Kofi Annan bổ nhiệm GS Ruggie làm Đại diện đặc biệt của Tổng Thư ký về Kinh doanh và Nhân quyền, GS Ruggie tiếp tục giữ vị trí này trong suốt nhiệm kỳ của Tổng Thư ký Ban Ki-Moon.

những gợi mở đối các tiêu chuẩn và thông lệ hiện hành đối với các quốc gia và doanh nghiệp; tích hợp chúng trong một khuôn mẫu duy nhất, mạch lạc và toàn diện; và xác định những điểm hạn chế thiếu sót còn tồn tại của các quy định hiện nay và cách thức để cải thiện thực trạng này”⁴. Để thúc đẩy việc phổ biến và thực hiện UNGPs, Hội đồng Nhân quyền LHQ đã thành lập “Nhóm làm việc về quyền con người và các tập đoàn xuyên quốc gia và các doanh nghiệp khác” trong năm 2011 đến năm 2014. Tại phiên họp Hội đồng Nhân quyền tháng 6/2014, một nghị quyết thiết lập một Nhóm Công tác Liên Chính phủ (IGWG) thay cho Nhóm này và kế hoạch xây dựng một công cụ pháp lý quốc tế mang tính bắt buộc dựa trên nền tảng của UNGPs cũng đã được thông qua⁵.

4. Nội dung quyền được thông tin trong quan hệ đầu tư kinh doanh trong Bộ nguyên tắc chủ đạo của Liên Hợp Quốc về kinh doanh và nhân quyền

Quyền tiếp cận thông tin trong quan hệ đầu tư kinh doanh được thể hiện xuyên suốt trong nhiều điều khoản của UNGPs nhưng tập trung nhất tại nguyên tắc số 21 với nội dung cụ thể như sau:

“Để giải thích và đánh giá các tác động đến nhân quyền của hoạt động kinh doanh, doanh nghiệp cần phải chuẩn bị để truyền đạt các thông tin dưới đây ra công chúng, đặc biệt khi các mối quan ngại được đề cập bởi các bên liên quan hoặc đại diện của họ. Doanh nghiệp khi có các hoạt động kinh doanh hoặc phạm vi của hoạt động đó chứa đựng nguy cơ ảnh hưởng nghiêm trọng đến nhân quyền cần phải báo cáo chính thức về cách họ giải quyết các vấn đề đó. Trong mọi trường hợp, nội dung thông tin truyền đạt nên:

(a) Có hình thức và tần suất phản ánh được mức độ tác động đến nhân quyền của doanh nghiệp và dễ dàng tiếp cận được đối với các đối tượng dự kiến;

(b) Cung cấp thông tin để đánh giá được toàn diện mức độ phù hợp trong phản hồi của doanh nghiệp đối với tác động đối với một nhân quyền liên quan cụ thể;

(c) Không gây ra rủi ro cho các bên liên quan, nhân viên chịu ảnh hưởng hoặc yêu cầu hợp pháp về tính bảo mật thương mại.

Như vậy, nguyên tắc số 21 đòi hỏi các công ty phải xác định rõ những tác động tiềm ẩn đến quyền con người trước khi có bất kỳ hoạt động kinh doanh cụ thể nào. Điều 21 của UNGPs cũng khuyến khích các doanh nghiệp cung cấp thông tin đầy đủ về rủi ro nhân quyền có thể phát sinh từ hoạt động của họ cho các bên liên quan để giúp các chủ thể “đánh giá phản ứng của doanh nghiệp đối với những tác động đến nhân quyền này”. Nguyên tắc 21 đòi hỏi rất cao trách nhiệm tôn trọng và bảo vệ nhân quyền của doanh nghiệp, đồng thời các biện pháp bảo đảm nhân quyền không được phép gây ra rủi ro cho các bên liên quan cũng như bí

⁴ http://www.ohchr.org/Documents/Issues/TransCorporations/HRC%202011_Remarks_Final_JR.pdf

⁵ Nghị quyết HRC26/9 đã được Ecuador trình bày, được Nam Phi ủng hộ, đồng tài trợ bởi Bolivia, Cuba, Nam Phi và Venezuela. 20 quốc gia đã bỏ phiếu thuận, 14 phiếu chống, 13 phiếu trắng.

mật thương mại mà họ nắm giữ. Doanh nghiệp cần phải có những chính sách và quy trình để thông qua đó chính họ có thể biết rõ ảnh hưởng của hoạt động kinh doanh ảnh hưởng đến nhân quyền của các bên ra sao và làm thế nào để bảo đảm nhân quyền trên thực tế. Để làm được điều này, các doanh nghiệp cần cung cấp những biện pháp truyền thông minh bạch và công khai cho các cá nhân và các bên liên quan khác có khả năng chịu ảnh hưởng về nhân quyền, đặc biệt là nhà đầu tư.

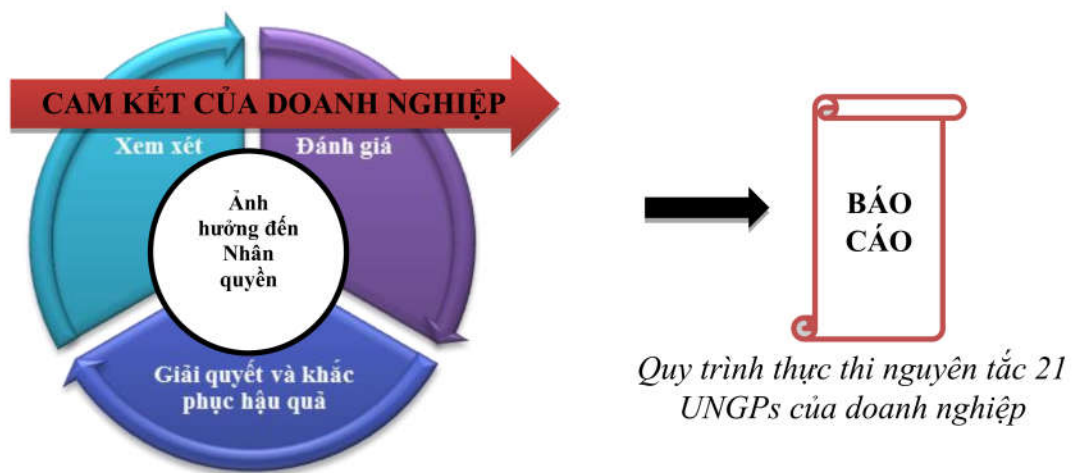
Biện pháp truyền thông có thể tồn tại bằng nhiều hình thức, bao gồm các cuộc họp trực tiếp, cuộc đối thoại trực tuyến, tham vấn với các bên liên quan bị ảnh hưởng và các báo cáo công khai chính thức. Báo cáo chính thức tự nó cũng có những hình thức đa dạng phát triển từ các báo cáo truyền thống hàng năm, các báo cáo hiện nay có thể về trách nhiệm /bền vững của công ty, bao gồm các bản cập nhật trực tuyến và các báo cáo tài chính và phi tài chính tổng hợp. Báo cáo chính thức của các doanh nghiệp ở những doanh nghiệp mà hoạt động kinh doanh hoặc phạm vi hoạt động kinh doanh đó hàm chứa các rủi ro ảnh hưởng nghiêm trọng đến nhân quyền đặc biệt được mong đợi. Để làm được điều này, báo cáo nên bao gồm các chủ đề và các chỉ số liên quan đến vấn đề làm cách nào để doanh nghiệp xác định và giải quyết các tác động tiêu cực đến nhân quyền trong hoạt động kinh doanh của mình. Các chỉ số chuyên ngành cụ thể có thể được cung cấp kèm theo để hoàn thiện các thông tin chi tiết và hữu ích. Việc xác minh độc lập về báo cáo nhân quyền cũng cần được coi trọng, bởi chỉ khi được xác thực bởi các chủ thể độc lập thì mới tạo dựng được lòng tin của các chủ thể có liên quan về vấn đề đảm bảo nhân quyền của mình.

5. Quy trình doanh nghiệp thực thi nguyên tắc 21 Bộ nguyên tắc chủ đạo của Liên Hợp Quốc về kinh doanh và nhân quyền nhằm đảm bảo quyền tiếp cận thông tin về tác động nhân quyền cho các bên liên quan

Sau khi tìm hiểu nội dung nguyên tắc về trách nhiệm tôn trọng nhân quyền đối với doanh nghiệp dưới góc độ quyền tiếp cận thông tin, câu hỏi cần được làm rõ tiếp theo chính là doanh nghiệp cần hiện thực hóa trách nhiệm này như thế nào. Hiên nhiên, việc công ty cần hành động như thế nào trong từng trường hợp còn liên quan và phụ thuộc vào loại hình nhân quyền bị ảnh hưởng, tính chất, bối cảnh và phạm vi của hoạt động kinh doanh đó. Trong trường hợp thiệt hại chỉ đang tồn tại ở dạng tiềm ẩn hoặc dự kiến, doanh nghiệp cần thực hiện các biện pháp để ngăn chặn việc lạm dụng nhân quyền đó xảy ra. Khi thiệt hại đã xảy ra, các công ty sẽ phải ngừng hành vi lạm dụng nhân quyền và tiến hành hay hợp tác trong việc thực thi các biện pháp khắc phục. Trường hợp thiệt hại được gây ra hoặc có thể được gây ra bởi nhiều doanh nghiệp, các doanh nghiệp này nên đồng thời thực hiện các biện pháp để ngăn ngừa hoặc cùng nhau chấm dứt hành vi đó, sử dụng ảnh hưởng của họ để ngăn chặn nguy cơ các bên khác sẽ tham gia thêm vào hoặc tiếp tục góp phần gây ra thiệt hại và tiến hành hay hợp tác trong việc thực thi các biện pháp khắc phục. Cuối cùng, trong tình huống các doanh nghiệp cùng có thể lạm dụng nhân quyền thông qua các mối quan hệ kinh doanh của họ,

nhưng nguyên nhân trực tiếp không xuất phát từ họ, từ ý chí của họ hoặc họ không chủ động góp phần gây ra thiệt hại thì họ nên cùng nhau sử dụng ảnh hưởng của họ để tìm cách giảm nguy cơ gây hại cho nhân quyền xảy ra. Nếu trong nhóm doanh nghiệp đó, một bên doanh nghiệp do có vị thế thấp hơn nên đã làm gia tăng ảnh hưởng tiêu cực đến nhân quyền của các bên thì cần phải có các biện pháp để nâng cao vị thế của doanh nghiệp này. Nếu biện pháp này không khả thi thì cần chấm dứt mối quan hệ kinh doanh của họ.

Như vậy, có thể thấy rằng việc áp dụng quy trình nào để xử lý một trường hợp ảnh hưởng đến nhân quyền do hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp cần căn cứ vào nhiều yếu tố khác nhau nhưng tựu chung lại các doanh nghiệp, trong mọi trường hợp, cần tuân thủ khung quy trình sau để bảo đảm nhân quyền tối đa cho các bên liên quan chịu ảnh hưởng bởi hoạt động kinh doanh của mình được mô tả thông qua mô hình và được diễn giải như sau:



Thứ nhất, doanh nghiệp cần xây dựng và ban hành cam kết về chính sách đảm bảo thông tin về nhân quyền được công bố rộng rãi và cần được gắn liền vào văn hóa thể chế của doanh nghiệp.

Thứ hai, thực thi quy trình thẩm định tác động đến nhân quyền cần bao gồm bốn phần:

- Quá trình thông qua đó các doanh nghiệp có thể xác định và đánh giá bất kỳ tác động tiêu cực hiện hữu hoặc tiềm ẩn về nhân quyền mà họ có thể có liên quan đến;
- Chương trình hành động phù hợp để ngăn ngừa và giảm thiểu tác động tiêu cực đến nhân quyền bằng cách kết hợp các kết quả có được từ quá trình đánh giá tác động thông qua các chức năng và quy trình nội bộ có liên quan của doanh nghiệp;
- Hệ thống các biện pháp để theo dõi và xác minh hiệu quả của các phản ứng và biện pháp của doanh nghiệp đối với hành vi lạm dụng hoặc có dấu hiệu lạm dụng nhân quyền; và
- Chương trình thông tin liên lạc ngoài thường xuyên về các tác động đến nhân quyền đã được giải quyết như thế nào.

Thứ ba, doanh nghiệp cần thực thi quy trình tiến hành hay hợp tác trong việc thực thi các biện pháp khắc phục đối với các chủ thể bị ảnh hưởng do hoạt động của doanh nghiệp.

Ngoài ra, quy trình này cũng yêu cầu các doanh nghiệp tham gia với các bên liên quan xuyên suốt và liên tục trong quá trình nỗ lực của họ nhằm đảm bảo trách nhiệm tôn trọng nhân quyền luôn ở mức độ cao nhất. Bên cạnh đó, cần nhận thức được rằng quy mô và tính phức tạp của khung quy trình để các công ty đảm bảo trách nhiệm tôn trọng nhân quyền nêu trên sẽ thay đổi theo quy mô, ngành nghề, phạm vi hoạt động, quyền sở hữu và cơ cấu của doanh nghiệp⁶.

6. Một số đề xuất trong việc đảm bảo quyền tiếp cận thông tin của nhà đầu tư đối với vấn đề nhân quyền trong hoạt động kinh doanh ở Việt Nam

Ngày nay, UNGPs được thừa nhận rộng rãi và hỗ trợ từ các cộng đồng doanh nghiệp và xã hội/cộng đồng dân sự. Một số điều khoản cốt lõi của UNGPs cũng đã được đưa vào các văn bản quốc tế quan trọng, bao gồm Chương về nhân quyền mới trong Hướng dẫn của OECD cho các doanh nghiệp đa quốc gia, ISO 26000 và các chiến lược được các tổ chức quốc tế áp dụng như Chính sách Bền vững mới của Tập đoàn Tài chính Quốc tế, Môi trường và Xã hội của EIB và chính sách Trách nhiệm Xã hội của Công ty trong EU. Điều này cho thấy rằng, vấn đề đảm bảo quyền tiếp cận thông tin về tác động của hoạt động kinh doanh đến nhân quyền của nhà đầu tư chính là xu hướng pháp lý tất yếu và đang lan truyền mạnh mẽ trên phạm vi quốc tế. Ngoài ra, trong tương lai gần, một văn bản pháp lý mang tính bắt buộc được xây dựng trên nền tảng của UNGPs sẽ được ban hành. Là một quốc gia thành viên LHQ, đã đến lúc Việt Nam chúng ta nên từng bước thiết lập văn hóa và tư duy pháp lý về vấn đề nhân quyền trong hoạt động kinh doanh và gắn nhiệm vụ đảm bảo nhân quyền đối với trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp từ đó có cơ chế đảm bảo quyền tiếp cận thông tin đối với báo cáo đánh giá tác động đến nhân quyền trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Để làm được điều này, việc xây dựng một chương trình hành động quốc gia về kinh doanh và nhân quyền là hết sức cần thiết. Theo quan điểm cá nhân, chương trình hành động quốc gia này cần phải thực hiện được các đòi hỏi sau:

Thứ nhất, Việt Nam cần phải tích cực hơn nữa trong việc phòng chống hành vi lạm dụng nhân quyền của doanh nghiệp trong kinh doanh. Điều này đòi hỏi Việt Nam chúng ta cần thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, điều tra, trừng phạt và khắc phục tình trạng lạm dụng bằng chính sách, luật pháp, tài phán thực sự hiệu quả bằng các biện pháp như (i) Nghiên cứu, đánh giá để tiếp tục ký và phê chuẩn các công cụ pháp lý (luật cứng - hard law) về nhân quyền trong khu vực và quốc tế, ký kết hoặc tham gia hệ thống các luật mềm (soft law), ví dụ như Hướng dẫn của OECD cho các doanh nghiệp đa quốc gia; (ii) Bảo đảm thực thi sự bảo vệ bình đẳng và không phân biệt đối xử đối với các chủ thể có liên quan.

⁶ Andreas Graf Andrea Iff, *Enhanced Human Rights Due Diligence in Conflict Affected and High-Risk Areas*, Swiss Peace foundation, Bern, 2016, p.15.

Thứ hai, Việt Nam cũng cần có các giải pháp để nâng cao nhận thức của doanh nghiệp và nhà đầu tư trong việc tôn trọng nhân quyền trong suốt hoạt động kinh doanh bằng các giải pháp như: (i) Rà soát và củng cố nội dung các đạo luật và các văn bản hướng dẫn thi hành trong hệ thống pháp luật hiện tại có liên quan đến nhân quyền, đặc biệt trong hoạt động kinh doanh; (ii) Kiểm soát việc ban hành các đạo luật mới không hạn chế việc tôn trọng nhân quyền và thúc đẩy, khuyến khích trách nhiệm bảo vệ nhân quyền của các doanh nghiệp; (iii) Xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn và công cụ hỗ trợ; (iv) Cung cấp thông tin và dịch vụ hỗ trợ cho các doanh nghiệp trong việc thực hiện trách nhiệm tôn trọng nhân quyền của họ trong hoạt động kinh doanh; (v) Bồi dưỡng kiến thức, tổ chức trao đổi và chia sẻ kinh nghiệm về nhân quyền và bảo vệ nhân quyền cho các nhà đầu tư.

Thứ ba, Việt Nam cần xây dựng hệ thống chế tài và các biện pháp khắc phục hậu quả thích hợp thông qua hoạt động lập pháp tư pháp, hành pháp, tư pháp và một số giải pháp khác. Để thực hiện được yêu cầu này, Việt Nam cần (i) tiến hành các bước thích hợp để đảm bảo hiệu quả của cơ chế tư pháp hiện tại khi giải quyết các vụ việc lạm dụng nhân quyền của doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh, bao gồm cả việc xem xét các cách để giảm các trở ngại pháp lý, trở ngại thực tế và mang tính thủ tục và các rào cản liên quan khác có thể dẫn đến việc từ bị chối tiếp cận với biện pháp khắc phục hậu quả của nhà đầu tư; (ii) xây dựng cơ chế khiếu nại phi tư pháp, cùng với cơ chế tư pháp để tạo ra một hệ thống toàn diện để bảo đảm trách nhiệm tôn trọng nhân quyền của doanh nghiệp và (iii) Hỗ trợ doanh nghiệp và nhà đầu tư trong việc tiếp cận với các cơ quan nhân quyền của khu vực và quốc tế.

Dựa trên Chương trình quốc gia về kinh doanh và nhân quyền, chúng ta có thể hướng dẫn việc thực thi Nguyên tắc số 21 của UNPGs bằng các biện pháp cụ thể.

Trước hết, Nhà nước cần có các chương trình để tuyên truyền, bồi dưỡng, nâng cao, trao đổi và chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm về nhân quyền và pháp luật về nhân quyền đến doanh nghiệp và nhà đầu tư không chỉ để các bên liên quan hiểu rõ các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mình mà quan trọng hơn hết là xây dựng tư duy và văn hóa về nhân quyền cho họ. Nội dung này dựa trên nguyên tắc cơ bản rằng, chúng ta không thể bảo vệ nhân quyền một cách hiệu quả trong hoạt động kinh doanh nếu như cả bên có trách nhiệm, nghĩa vụ và bên có quyền đều không hiểu rõ nhân quyền là gì, vì sao phải tôn trọng, bảo vệ nhân quyền.

Tiếp theo đó, Nhà nước cần có cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp trong việc xây dựng và ban hành cam kết về chính sách đảm bảo thông tin về nhân quyền được công bố rộng rãi cũng như thực thi quy trình thẩm định tác động đến nhân quyền và cuối cùng là soạn thảo và công bố báo cáo về tác động nhân quyền. Có thể nói rằng, khi mà nhận thức về nhân quyền trong hoạt động kinh doanh của các bên liên quan đang còn rất hạn chế thì việc đòi hỏi doanh nghiệp phải xây dựng, ban hành cam kết chuẩn về chính sách đảm bảo thông tin về nhân quyền, thực thi quy trình thẩm định và công bố báo cáo nhân quyền thực sự là việc không dễ đáp ứng. Do

đó, sẽ thuận lợi hơn cho doanh nghiệp cũng như nhà đầu tư và từ đó khuyến khích được họ nếu họ nhận được sự hỗ trợ của Nhà nước thông qua các hướng dẫn, biểu mẫu trực quan về cam kết này như nội dung chính, kết cấu, cấu trúc, thẩm quyền và cách thức xây dựng và ban hành cam kết, thực thi quy trình thẩm định và báo cáo nhân quyền này. Nhà nước cũng có thể thành lập hoặc phân công cơ quan chuyên trách hoặc kiêm nhiệm về vấn đề nhân quyền để làm đầu mối liên lạc và giải quyết yêu cầu/đề nghị khi các doanh nghiệp cần và tham vấn cho doanh nghiệp các nội dung liên quan và hỗ trợ nhà đầu tư đối với các yêu cầu/ khiếu nại của họ về việc lạm dụng hoặc vi phạm nhân quyền của doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh. Ngoài ra, chúng ta cũng cần có quy trình thủ tục chuẩn để các doanh nghiệp công bố cam kết và báo cáo nhân quyền của mình và phổ biến đến các nhà đầu tư. Quy trình thủ tục này cần được áp dụng thống nhất ở tất cả các doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam để đảm bảo quyền lợi chung cho tất cả các nhà đầu tư.

Cuối cùng, để đảm bảo quyền tiếp cận thông tin về nhân quyền trong hoạt động kinh doanh của nhà đầu tư, chúng ta đặc biệt cần đến cơ chế kiểm tra, giám sát các biện pháp khắc phục đối với các chủ thể bị ảnh hưởng do hoạt động của doanh nghiệp. Hay nói cách khác, chúng ta cần tìm được câu trả lời cho một loạt câu hỏi như: chủ thể nào có thẩm quyền kiểm tra, giám sát các biện pháp khắc phục của doanh nghiệp? Phạm vi quyền hạn của chủ thể này đến đâu? Các chủ thể này thực hiện nhiệm vụ của mình như thế nào? Bên cạnh các biện pháp khắc phục hậu quả, loại chế tài nào có thể được áp dụng? Nếu có thì được áp dụng bởi chủ thể nào? Nhà đầu tư và doanh nghiệp tham gia vào quy trình này với quyền lợi và nghĩa vụ như thế nào...

7. Kết luận

Một trong những đặc trưng của hoạt động kinh doanh đó chính là mục tiêu tìm kiếm lợi nhuận. Chính bởi luôn bị thôi thúc phải tối đa hóa lợi nhuận, các doanh nghiệp sẽ rất dễ dàng xâm phạm hoặc lạm dụng nhân quyền của các chủ thể, đặc biệt là các nhà đầu tư. Do đó, đòi hỏi về tôn trọng nhân quyền của nhà đầu tư trong hoạt động kinh doanh là một đòi hỏi chính đáng và cần thiết. Trong rất nhiều các giải pháp, đảm bảo thực thi quyền tiếp cận thông tin của nhà đầu tư về đánh giá tác động đến nhân quyền trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp được xem là một công cụ hữu hiệu để giúp các nhà đầu tư đánh giá và xem xét trước khi đưa ra các quyết định đầu tư của mình vào một hoặc các doanh nghiệp nào đó và để họ kịp thời tự bảo vệ mình hoặc yêu cầu chủ thể có thẩm quyền bảo vệ mình khi quyền và lợi ích của mình bị xâm phạm. Đây là một nhiệm vụ không dễ dàng trong bối cảnh tuy duy và văn hóa về nhân quyền ở Việt Nam nói chung và doanh nghiệp Việt Nam nói riêng đang còn rất hạn chế. Với những đề xuất trong bài nghiên cứu, tác giả hy vọng rằng mình có thể góp phần nhỏ bé không chỉ trong việc nâng cao nhận thức của các bên về nhân quyền mà còn trong việc đặt những viên gạch đầu tiên trong việc hoàn thiện cơ chế bảo vệ nhân quyền của nhà đầu tư trong hoạt động kinh doanh ở Việt Nam.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Andreas Graf Andrea Iff, Enhanced Human Rights Due Diligence in Conflict Affected and High-Risk Areas*, Swiss Peace foundation, Bern, 2016.
2. *Bản Hướng dẫn các nguyên tắc của Liên Hợp Quốc về kinh doanh và nhân quyền*.
3. UN Working Group on Business and Human Rights, Guidance on National Action Plans on Business and Human Rights, phiên bản 1.0, 12/2014.
4. http://www.ohchr.org/Documents/Issues/TransCorporations/HRC%202011_Remarks_Final_JR.pdf.